

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 - HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 419/2025/HNGĐ-ST

Ngày 25/12/2025

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Sáng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Chiến

Bà Nguyễn Thị Mai

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Uyên - Thư ký
Tòa án nhân dân khu vực 10 - Hà Nội.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Hà Nội tham gia
phiên tòa:** Bà Bùi Thị Thủy Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 161/2025/TLST- HNGĐ ngày 06/10/2025 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/11/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2025/QĐST-HNGĐ ngày 15/12/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Hoàng Thị N**, sinh ngày 03/11/1990; CCCD số 066190004701 do Cục C về TTXH cấp ngày 14/11/2022.

Nơi ĐKKHKT: Thôn A, xã T, thành phố Hà Nội (xã H, huyện T cũ).

Nơi ở hiện nay: Thôn E, xã T, thành phố Hà Nội (xã H, huyện T cũ);
Có mặt.

- Bị đơn: Anh **Phí Mạnh H**, sinh ngày 20/9/1976; CCCD số 001076009776 do Cục C về TTXH cấp ngày 18/01/2023.

Địa chỉ: Thôn A, xã T, thành phố Hà Nội (xã H, huyện T cũ); Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị

Hoàng Thị N trình bày:

Tôi với anh Phí Mạnh H được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, thành phố Hà Nội (nay là xã T, thành phố Hà Nội) vào ngày 01/02/2008. Vợ chồng tôi được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục của địa phương.

Sau khi kết hôn tôi và anh H thuê nhà và sống tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã T, tỉnh Đắk Lắk). Thời gian đầu vợ chồng tôi sống hòa thuận, hạnh phúc và sinh được 02 con chung là cháu Phí Cảnh L, sinh ngày 13/3/2009 và cháu Phí Mạnh T, sinh ngày 12/3/2013. Đến tháng 6 năm 2019, tôi và các con về sống cùng với mẹ anh H là bà Nguyễn Thị M tại thôn A, xã H, huyện T, thành phố Hà Nội. Còn anh H vẫn làm ăn tại tỉnh Đắk Lắk. Hàng năm, anh H vẫn thường xuyên về nhà thăm tôi và các con. Mỗi khi anh H về nhà thì vợ chồng thường xảy ra cãi nhau. Đến tháng 6 năm 2025, anh H về ở hẳn với gia đình, không đi làm ăn ở trong Đ nữa. Vợ chồng tôi xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Hơn nữa, giữa tôi và anh H có sự chênh lệch nhau về tuổi tác nên suy nghĩ và lối sống có nhiều sự khác nhau. Anh H không tin tưởng tôi và nói tôi đi tăng tịu với người đàn ông khác. Sau đó, vợ chồng có xảy ra cãi nhau, anh H đuổi tôi ra khỏi nhà. Từ tháng 7 năm 2025, tôi và hai con trai thuê nhà sống ở thôn E, xã T (xã H, huyện T cũ). Vợ chồng tôi sống ly thân từ đó đến nay.

Tôi nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng xảy ra trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh Phí Mạnh H.

Về con chung: Vợ chồng tôi sinh được 02 con chung là cháu Phí Cảnh L, sinh ngày 13/3/2009, cháu Phí Mạnh T, sinh ngày 12/3/2013. Hiện nay, hai con chung đang sống cùng tôi. Sau khi ly hôn, tôi xin được nuôi cháu Phí Mạnh T và đồng ý để anh H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phí Cảnh L. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

+ Về tài sản chung, công nợ chung: Không có.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/10/2025, bị đơn là anh Phí Mạnh H trình bày:*

Tôi kết hôn với chị Hoàng Thị N tự nguyện và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, thành phố Hà Nội cũ vào ngày 01/02/2008. Trước khi kết hôn vợ chồng tôi có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 3 tháng. Sau khi kết hôn thì vợ chồng tôi cùng làm ăn ở tỉnh Đắk Lắk nên thuê nhà ở đó để sinh sống.

Vợ chồng tôi đã có thời gian sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến tháng 6 năm 2019 thì chị N và hai con trai là cháu Phí Cảnh L và cháu Phí Mạnh T về quê sống

với mẹ tôi tại thôn A, xã H (nay là xã T), thành phố Hà Nội. Còn tôi vẫn ở lại trong Đ để làm ăn, hàng năm tôi vẫn thường xuyên về thăm vợ và các con.

Đến tháng 6 năm 2025, tôi về sinh sống cùng gia đình tại thôn A, xã T, thành phố Hà Nội. Về mâu thuẫn của vợ chồng tôi, từ năm 2008 đã xảy ra mâu thuẫn do kinh tế gia đình khó khăn. Chị N đã tự tử nhưng được mọi người phát hiện kịp thời. Tôi vì thương con nên cố gắng hàn gắn tình cảm để vợ chồng cùng nuôi dạy các con khôn lớn.

Khi tôi về sinh sống ở thôn A, xã H, vợ chồng tôi không hàn gắn được tình cảm, chị N nói không còn tình cảm với tôi nữa.

Đến tháng 8 năm 2025, vợ chồng tôi sống ly thân mỗi người một nơi. Chị N và hai con thuê nhà sống ở thôn E, xã T, thành phố Hà Nội. Tôi sống cùng mẹ đẻ ở thôn A, xã T.

Nay chị N xin ly hôn, ý kiến của tôi là muốn vợ chồng đoàn tụ cùng nuôi dạy các con khôn lớn. Nếu chị N kiên quyết xin ly hôn tôi thì tôi hoàn toàn đồng ý.

+ Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là cháu Phí Cảnh L, sinh ngày 13/3/2009, cháu Phí Mạnh T, sinh ngày 12/3/2013. Hiện tại hai cháu đang sống cùng chị N. Sau khi ly hôn, tôi xin được nuôi cả hai cháu và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung và công nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm như trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Hà Nội phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Tòa án nhân dân khu vực 10 - Hà Nội thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Việc xác định quan hệ pháp luật, tư cách người tham gia tố tụng là đúng pháp luật, việc thu thập chứng cứ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng đều đảm bảo đúng quy định. Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51, 56, 57, 59, 62, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Xử : Chấp nhận đơn ly hôn của chị Hoàng Thị N.

+ **Về hôn nhân:** xử chị Hoàng Thị N được ly hôn với anh Phí Mạnh H.

+ **Về con chung:** anh chị có 02 con chung là cháu Phí Cảnh L sinh ngày 13/3/2009 và cháu Phí Mạnh T sinh ngày 12/3/2013. Giao cháu T cho chị N trực

tiếp nuôi dưỡng, cháu L cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng cho bên nào. Không ai được cản trở việc chăm sóc và nuôi dưỡng con chung.

+ **Về cấp dưỡng nuôi con:** Không xem xét cho tới khi có yêu cầu mới.

+ **Về tài sản chung, công nợ chung:** Không xem xét.

+ **Về án phí:** Theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng:

1.1. Về thẩm quyền giải quyết: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn yêu cầu giải quyết quan hệ: Ly hôn và nuôi con khi ly hôn. Bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú trên xã T, thành phố Hà Nội. Do vậy Tòa án nhân dân khu vực 10 – Hà Nội thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

1.2. Về sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: Bị đơn là anh Phí Mạnh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa ngày 15/12/2025, Tòa án đã ra Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2025/QĐST-HNGĐ ngày 25/12/2025. Quyết định này đã được tổng đạt hợp lệ. Tại phiên tòa hôm nay, anh H tiếp tục vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Tòa án nhân dân khu vực 10 – Hà Nội xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

2.1. Về tính hợp pháp của hôn nhân: Chị Hoàng Thị N và anh Phí M1 Hoà kết hôn tự nguyện, có đủ điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T ngày 01/02/2008. Vì vậy, hôn nhân của anh chị được xác định là hôn nhân hợp pháp.

2.2. Về mâu thuẫn vợ chồng:

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 6/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị N trình bày là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, chênh lệch lớn về tuổi tác nên suy nghĩ và lối sống có sự khác nhau nhiều, anh H không tin tưởng chị và cho rằng chị không chung thủy. Nguyên nhân theo anh H trình bày là do kinh tế gia đình khó khăn, chị N đã tự tử nhưng được phát hiện kịp thời. Vì thương con anh muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con cái, trong trường hợp chị N kiên quyết xin ly hôn thì anh đồng ý ly hôn.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận cho chị Hoàng Thị N được ly hôn với anh Phí Mạnh H là phù hợp với quy định tại các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

2.3. Về con chung

Chị N và anh H có hai con chung là cháu Phí Cảnh L, sinh ngày 13/3/2009 và cháu Phí Mạnh T, sinh ngày 12/3/2013.

Hiện tại, cả hai cháu đang sinh sống cùng chị N. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phí Mạnh T và đề nghị giao cháu Phí Cảnh L cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Về phía anh H, anh có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung.

Tại các biên bản ghi lời khai ngày 21/10/2025 và ngày 19/11/2025, cả hai cháu L và T đều thể hiện nguyện vọng mong muốn được ở cùng mẹ là chị N. Hội đồng xét xử nhận thấy đây là nguyện vọng chính đáng của các cháu, cần được xem xét theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy, việc quyết định người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn không chỉ căn cứ duy nhất vào nguyện vọng của con, mà còn phải xem xét toàn diện các yếu tố khác như điều kiện chăm sóc, giáo dục, môi trường sống ổn định lâu dài, sự phát triển hài hòa về thể chất và tinh thần của từng cháu, đồng thời bảo đảm quyền, nghĩa vụ làm cha, làm mẹ của các bên theo quy định của pháp luật.

Xét thấy, cháu Phí Cảnh L hiện đã ở độ tuổi vị thành niên, có khả năng tự chăm sóc bản thân ở mức độ nhất định, việc giao cháu cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng sẽ tạo điều kiện để cháu nhận được sự quan tâm, giáo dục trực tiếp từ phía người cha, góp phần cân bằng vai trò của cả cha và mẹ trong quá trình hình thành nhân cách của cháu. Đồng thời, anh H cũng có nguyện vọng chính đáng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Đối với cháu Phí Mạnh T, cháu còn nhỏ, hiện đang ổn định về sinh hoạt và học tập cùng chị N. Việc tiếp tục giao cháu T cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện thực tế và bảo đảm sự ổn định tâm sinh lý cho cháu.

Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng, việc giao cháu Phí Mạnh T cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu Phí Cảnh L cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp, bảo đảm tốt nhất quyền và lợi ích hợp pháp của các con chung, đồng thời hài hòa quyền, nghĩa vụ của cả cha và mẹ sau khi ly hôn. Quyết định này phù hợp với các quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và

gia đình.

Sau khi ly hôn, chị N và anh H đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật. Không ai được cản trở quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

2.4. Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị N và anh H đều không có yêu cầu cấp dưỡng nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị N và anh H cho đến khi có quyết định khác thay đổi.

2.5. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Hoàng Thị N và anh Phí Mạnh H đều khai là không có nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Hoàng Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Các điều 147, 227, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, **Xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xin ly hôn anh Phí Mạnh H. Chị Hoàng Thị N được ly hôn anh Phí Mạnh H.

2. Về con chung: Giao cháu Phí Cảnh L, sinh ngày 13/3/2009 cho anh Phí Mạnh H và giao cháu Phí Mạnh T, sinh ngày 12/3/2013 cho chị Hoàng Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định khác thay đổi. Sau khi ly hôn, chị N, anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị Hoàng Thị N, anh Phí Mạnh H cho đến khi có quyết định khác thay đổi.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Hoàng Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền này được đối trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà chị N đã nộp tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 10 - Hà Nội ngày 06/10/2025 theo biên lai số 0010230.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND khu vực 10 - Hà Nội;
- Phòng THADS khu vực 10 - Hà Nội;
- UBND xã Tây Phương, Tp. Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Đình Sáng